TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐP, TỈNH GL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03-10-2019
"*Về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, TỈNH GL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Đình N.

2- Bà Nguyễn Thị Như T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh N- Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐP, tỉnh GL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng P- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 9 năm 2019 và ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, tỉnh GL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đinh Tân C, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Làng J, xã Y, huyện ĐP, tỉnh GL. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Hồ Thị Phương N, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Làng J, xã Y, huyện ĐP, tỉnh GL. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đinh Tân C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hồ Thị Phương N qua thời gian tìm hiểu được hai bên gia đình đồng ý đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định vào ngày 07/6/1999 và về chung sống với nhau từ đó. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến khoảng đầu năm 2017 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm trong suy nghĩ và cách làm ăn sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tin tưởng, thương yêu chăm sóc lẫn nhau cũng như không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng vẫn không thành. Đến nay, vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và

hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2018, mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa, có tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị Hồ Thị Phương N có 02 con chung là Đinh Mẫn N, sinh ngày 11/3/2008 và Đinh Mẫn T, sinh ngày 01/02/2012. Khi ly hôn, nguyện vọng của anh sẽ nuôi cả 02 con vì hiện nay anh làm nghề lái xe, thu nhập bình quân hàng tháng là 8.000.000 đồng nên anh có đủ điều kiện để nuôi cả 02 con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Hồ Thị Phương N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C sống chung có đăng ký kết hôn năm 1999 như anh C trình bày là đúng sự thật. Quá trình sống chung vợ chồng có những mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp và không tôn trọng tin tưởng lẫn nhau. Từ những mâu thuẫn trên nên cả hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay, nay anh C không còn tình cảm, không còn tin tưởng, thương yêu chị nữa nên chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Đinh Mẫn N, sinh ngày 11/3/2008 và Đinh Mẫn T, sinh ngày 01/02/2012, nguyện vọng của chị muốn nuôi cả 02 con vì hiện nay chị làm nghề may, thu nhập bình quân hàng tháng là 6.000.000 đồng nên chị có đủ điều kiện để nuôi cả 02 con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Đinh Tân C yêu cầu ly hôn và có tranh chấp về nuôi con chung với chị Hồ Thị Phương N hiện đang cư trú tại Làng J, xã Y, huyện ĐP, tỉnh GL. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐP, tỉnh GL.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Tân C và chị Hồ Thị Phương N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh C và chị N phát sinh Nều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tin tưởng, yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị N và chị N cũng đồng ý ly hôn. Qua xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa anh C và chị N tại địa phương nơi anh chị sinh sống, kết quả thể hiện giữa anh C và chị N có tồn tại mâu thuẫn, địa phương đã hòa giải Nều lần nhưng không có kết quả. Hiện tại, anh C và chị N đã sống ly thân.

Tòa án đã Nếu lần tổ chức hòa giải, phân tích hậu quả của việc ly hôn, động viên các bên hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C với chị N.

[3] Về nuôi con chung: Anh C và chị N có 02 con chung là Đinh Mẫn N, sinh ngày 11/3/2008 và Đinh Mẫn T, sinh ngày 01/02/2012. Hiện nay, các con đang sống chung với anh chị. Anh C và chị N đều có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng của các con là Đinh Mẫn N và Đinh Mẫn T: Cháu N có mong muốn được ở với ba và cháu T muốn được ở với mẹ.

Xét điều kiện thực tế, anh C và chị N đều trong độ tuổi lao động, có sức khỏe và thu nhập kinh tế hàng tháng ổn định, đủ điều kiện để nuôi con.

Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con cần giao cháu Đinh Mẫn N cho anh C và giao cháu Đinh Mẫn T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của con trên 7 tuổi theo đúng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù anh C và chị N đã được Thẩm phán chủ tọa phiên tòa giải thích cho biết quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của người trực tiếp nuôi con nhưng anh C và chị N đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Anh C và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn anh Đinh Tân C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[7] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, tỉnh GL tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về phần nội dung, Kiểm sát viên có quan điểm: Anh Đinh Tân C và chị Hồ Thị Phương N sống chung trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật năm 1999. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh C là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về con, anh Đinh Tân C và chị Hồ Thị Phương N có 02 con chung là Đinh Mẫn N sinh ngày 11/3/2008 và Đinh Mẫn T sinh ngày 01/02/2012. Xét về khả năng, điều kiện kinh tế cũng như nguyện vọng của 02 cháu N và T, Hội đồng xét xử cần căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Đinh Mẫn N cho anh Đinh Tân C và giao cháu Đinh Mẫn T cho chị Hồ Thị Phương N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày bản án có hiệu lực

pháp luật cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung, thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là đúng với quy định của pháp luật. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, khoản 1 Điều 235, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Tân C, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đinh Tân C được ly hôn với chị Hồ Thị Phương N trước pháp luật.

- *Về nuôi con chung*: Giao cho anh Đinh Tân C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đinh Mẫn N, sinh ngày 11/3/2008 và giao cho chị Hồ Thị Phương N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đinh Mẫn T, sinh ngày 01/02/2012 kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Đinh Tân C và chị Hồ Thị Phương N không phải cấp dưỡng nuôi con cho người trực tiếp nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh Đinh Tân C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng),* được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004438 ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện ĐP, tỉnh GL. Anh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (03/10/2019), nguyên đơn và bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh GL xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh GL
- VKSND huyện ĐP;
- Chi cục THADS huyện ĐP;
- UBND xã Phước An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Đ